TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 892/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 15/8/2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bảo Lâm
2. Bà Nguyễn Minh Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Cao Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 406/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp ‘‘Ly hôn’’ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Bích T - sinh năm 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: 107/37/36 N S H L, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thế V – sinh năm 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: 107/37/36 N S H L, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 11/4/2017 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị Bích T trình bày: Bà và ông Nguyễn Thế V tự nguyện kết hôn với nhau năm 2009 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 173/P08, Quyển số:

01/2009, do UBND Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/10/2009). Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, ông V không chăm lo cho vợ con, từ ngày 03/07/2016 đến nay vợ chồng đã ly thân nên bà yêu cầu được ly hôn với ông V.

Về con chung : Có 1 con chung tên Nguyễn Khôi N – sinh ngày 14/5/2011. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng. Hiện tại cháu N đang ở với ông bà ngoại ở L K, Đ N. Bà đang làm hộ sinh ở khoa sơ sinh của Bệnh viện T, hiện bà đang làm theo ca, nếu được nuôi con bà có thể xin chuyển làm theo giờ hành chính và bà ngoại sẽ lên phụ bà chăm nom cho con. Về mức cấp dưỡng nuôi con, bà cũng không cần nhưng bà yêu cầu là để ông V và gia đình nội có trách nhiệm, hơn 1 năm nay gia đình nội không lên thăm cháu, ông V mấy tháng nay không về thăm con, khi bà và ông V còn sống chung ông V đưa cho bà mỗi tháng 3.000.000đ là xong trách nhiệm. Lương của bà ở bệnh viện từ 12.000.000đ đến 13.000.000đ/tháng, ngoài ra bà còn làm thêm thu nhập cũng được từ 15.000.000đ đến 18.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Có căn nhà 107/37/36 N S H L, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà yêu cầu Tòa án xem xét sự đóng góp của từng người dựa trên thu nhập để phân chia căn nhà, bà nhận nhà và thối lại tiền cho ông V.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn – ông Nguyễn Thế V trình bày: Quá trình chung sống giữa ông và bà T không hạnh phúc do khác biệt về lối sống, giáo dục con cái, từ năm 2016 đến nay vợ chồng đã ly thân nhưng ông vẫn còn tình cảm với bà T. Nay bà T yêu cầu ly hôn, ông đồng ý ly hôn theo nguyện vọng của bà T.

Về con chung : Có 1 con chung tên Nguyễn Khôi N – sinh ngày 14/5/2011. Sau khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Ông hiện đang làm quản lý ở Cơ sở xã hội N, giờ làm việc của ông là làm 36 giờ thì được nghỉ 36 giờ, lương 7.500.000đ/tháng. Nếu Tòa án giao con cho ông nuôi thì ông sẽ nghỉ việc tại Cơ sở xã hội N để về nhà nội tại 57/5 ấp B, xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Long để sinh sống, ở đây ông còn phần đất mà bố mẹ chưa chia, về quê ông sẽ làm vườn, phụng dưỡng cha mẹ, lâu lâu có thể lên S chơi, còn bà T muốn thăm con thì cứ xuống thăm, ông sẽ tạo điều kiện hết mức.

Về tài sản chung: Có căn nhà 107/37/36 N S H L, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông không đồng ý chia nhà, muốn giữ lại làm tài sản cho con.

Về nợ chung : Không có.

Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn bà Lê Thị Bích T trình bày: Bà yêu cầu được ly hôn với ông V vì từ ngày 3/7/2016 đến nay vợ chồng đã ly thân, bà không

còn tình cảm với ông V. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng, hiện bà đang làm hộ sinh tại Bệnh viện T, làm trong giờ hành chính từ 07 giờ sáng đến 16 giờ 30 phút chiều, thứ 7, chủ nhật được nghỉ, thu nhập hàng tháng hơn 20.000.000đ. Bà mua nhà 107/37/36 N S H L tháng 4/2013, giá mua và sửa chữa là khoảng 700.000.000đ, khi mua nhà bà có gần 200.000.000đ phần còn lại là của các anh chị em bên gia đình nhà bà cho mượn, gia đình nhà chồng cho mượn hơn hai mươi triệu, số nợ này bà đã trả hết. Khi sống chung hàng tháng ông V chỉ đưa cho bà 3.000.000đ để chi tiêu trong gia đình, nên bà yêu cầu được chia phần hơn dựa trên thu nhập, công sức đóng góp, bà yêu cầu được giữ lại nhà và thối lại cho ông V 300.000.000đ. Bà và ông V không có nợ chung.

Bị đơn ông Nguyễn Thế V trình bày: Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T, ông xin được nuôi con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Ông đang làm việc tại Cơ sở xã hội N, thời gian làm việc theo ca, 01 ca 36 tiếng hoặc 48 tiếng xen kẽ nhau, lương 7.500.000đ/tháng, ngoài ra ông làm thêm mỗi tháng cũng được 2.000.000đ, trước đây mỗi tháng ông đưa cho bà T 3.500.000đ để chi tiêu trong gia đình, từ tháng 9/2016 do phải chữa bệnh nam khoa nên hàng tháng ông chỉ đưa cho bà T 3.000.000đ. Khi mua nhà 107/37/36 N S H L gia đình bên vợ giúp đỡ rất nhiều, ông không muốn chia nhà mà muốn giữ nhà lại cho con, ông và bà T không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã làm đúng quy định của pháp luật, xét xử đúng hạn luật định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, cụ thể:

Về hôn nhân: Bà T được ly hôn ông V.

Về con chung: Giao con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, háng tháng ông V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ

Về tài sản chung: Đề nghị Tòa án phân chia theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị Bích T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Thế V có nơi cư trú tại số: 107/37/36 N S H L, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà T thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ bằng hình thức xác minh tình trạng cư trú của Bị đơn; Định giá đối với tài sản tranh chấp nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn bà T có mặt; Bị đơn ông V có mặt nên Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại Khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về hôn nhân: Căn cứ bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số: 173/P08, Quyển số: 01/2009, do UBND Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/10/2009 thì quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông V là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà T vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông V do ông V không chăm lo cho vợ con, từ ngày 03/7/2016 đến nay vợ chồng đã ly thân. Ông V cũng đồng ý ly hôn do khác biệt về lối sống, giáo dục con nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, từ năm 2016 đến nay vợ chồng đã ly thân. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc bà T yêu cầu được ly hôn, ông V đồng ý ly hôn là hoàn toàn tự nguyện và không trái quy định của pháp luật nên ghi nhận.

[5] Về con chung: Căn cứ bản sao Giấy khai sinh số 63/KS; Quyển số 01/2005 do Ủy ban nhân dân Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/3/2005 và thừa nhận của ông V, bà T thì cháu Nguyễn Khôi N – sinh ngày 14/5/2011 là con chung của ông V, bà T.

Quá trình giải quyết vụ án ông V, bà T đều có yêu cầu được nuôi con chung, bà T yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng, ông V không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu N còn nhỏ cần sự chăm sóc, gần gũi của người lớn. Thời gian làm việc 01 ca của ông V rất dài từ 36-48 tiếng nên không có nhiều thời gian chăm lo cho cháu N, trong khi đó bà T làm việc trong giờ hành chính nên có nhiều thời gian chăm sóc cho cháu N hơn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu N cho bà T trực tiếp chăm só, nuôi dưỡng.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Trách nhiệm nuôi con là của cả cha và mẹ, thu nhập hàng tháng của ông V là 9.500.000đ, nên yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng của bà T là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử buộc ông V phải cấp dưỡng nuôi cháu N 2.000.000đ/tháng.

[7] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà T, ông V xác nhận tài sản chung là căn nhà 107/37/36 N S H L, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Nhà được UBND quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BL 937955, ngày 26/4/2013. Bà T yêu cầu Tòa án xem xét sự đóng góp của từng người dựa trên thu nhập để phân chia căn nhà, bà nhận nhà và thối lại tiền cho ông V. Ông V không đồng ý chia nhà, muốn giữ lại làm tài sản cho con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong đơn khởi kiện ly hôn bà T có yêu cầu chia tài sản chung, bà T đã thực hiện đóng tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật nên yêu cầu tranh chấp tài sản chung của bà T là đúng theo quy định của pháp luật.

Căn cứ Biên bản định giá tài sản ngày 4/7/2017 của Hội đồng định giá quận Tân Bình thì giá trị của căn nhà 107/37/36 N S H L, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là : 747.287.971đ.

Theo thừa nhận của đôi bên đương sự thì khi mua nhà gia đình bên vợ giúp đỡ rất nhiều, hàng tháng ông V đưa cho bà T 3.000.000đ để chi tiêu trong gia đình. Theo bà T thì khi mua nhà, sửa nhà bà có gần 200.000.000đ, khoản nợ của các anh chị em trong gia đình bên bà cũng như bên nhà chồng là do bà trả nên bà yêu cầu nhận nhà và thối lại cho ông V 300.000.000đ.

Điểm a Khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về nguyên tắc giải quyết tài sản của vợ chồng khi hôn theo đó tài sản chung của vợ chồng được chia đôi có tính đến yếu tố ‘‘Công sức đóng góp của vợ, chồng vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung’’. Xét thấy, bà T có công sức đóng góp nhiều hơn trong việc tạo lập, duy trì và phát triển căn nhà 107/37/36 N S H L, do đó yêu cầu của bà T là có cơ sở. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, bà T được quyền sở hữu căn nhà 107/37/36 N S H L và có trách nhiệm thanh toán lại 300.000.000đ cho ông V.

[8] Về nợ chung: Bà T, ông V xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không có gì phải xem xét giải quyết.

[9] Về chi phí định giá tài sản tranh chấp: Chi phí định giá căn nhà 107/37/36 N S H L, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là 3.000.000đ, ngày 16/5/2017 bà T đã tạm ứng chi phí này. Tại phiên tòa hôm nay bà T tự nguyện chịu chi phí định giá nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[10] Về thời hạn thi hành : Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[11] Địa điểm thi hành : Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

[12] Về án phí: Căn cứ điểm a, điểm b Khoản 5 Điều 27; điểm a Khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 21.891.519đ án phí đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng.

Ông V phải chịu 300.000đ án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ và 15.000.000đ án phí đối với giá trị tài sản chung được hưởng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 21; Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào điểm a, điểm b Khoản 5 Điều 27; điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – bà Lê Thị Bích T.

a. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Bích T và ông Nguyễn Thế V.

b. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Khôi N – sinh ngày 14/5/2011 cho bà Lê Thị Bích T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Hàng tháng ông Nguyễn Thế V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Khôi N 2.000.000đ (Hai triệu đồng), thực hiện từ tháng 8/2017 cho đến khi cháu Nguyễn Khôi N thành niên.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở

hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014 Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

c. Về tài sản chung : Xác định tài sản chung của ông Nguyễn Thế V và bà Lê Thị Bích T là căn nhà 107/37/36 N S H L, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BL 937955 do UBND quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/4/2013), giá trị căn nhà là 747.287.971đ (Bảy trăm bốn mươi bảy triệu hai trăm tám mươi bảy ngàn chín trăm bảy mươi mốt đồng).

Giao cho bà Lê Thị Bích T được trọn quyền quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với nhà và đất tại số 107/37/36 N S H L, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Lê Thị Bích T có trách nhiệm thanh toán lại cho ông Nguyễn Thế V 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), sau khi hoàn tất việc giao tiền cho ông Nguyễn Thế V thì bà Lê Thị Bích T được quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục chuyển dịch quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với tài sản là nhà và đất tại số 107/37/36 N S H L, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh qua tên của bà Lê Thị Bích T.

d/ Về nợ chung: Không có.

e/ Về chi phí định giá tài sản tranh chấp: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị Bích T về việc tự nguyện chịu 3.000.000đ (Ba triệu đồng) chi phí định giá đối với căn nhà 107/37/36 NiS H L, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Về thời hạn thi hành : Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3/ Địa điểm thi hành : Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

4/ Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Lê Thị Bích T chịu, được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Lê Thị Bích T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2017/0006074 ngày 25/4/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Lê Thị Bích T phải chịu 21.891.519đ (Hai mươi mốt triệu tám trăm chín mươi mốt ngàn năm trăm mười chín đồng) án phí đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, được khấu trừ vào 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí Lê Thị Bích T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2017/0006073 ngày 25/4/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Thị Bích T còn phải nộp 9.891.519đ (Chín triệu tám trăm chín mươi mốt ngàn năm trăm mười chín đồng) tiền án phí.

Ông Nguyễn Thế V phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ và 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) án phí đối với giá trị tài sản chung được hưởng.

5/ Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

7/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận :
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai Hương